TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 01 – 2018.
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Đàm Thị Thanh Loan.

Ông: Trần Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm , tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diễn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con và nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Cẩm T, sinh năm 1981 *(Có mặt).*

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1978 ***(****Vắng mặt lần thứ hai****).***

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội V.

Địa chỉ: Bán đảo L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn 0, Phó giám đốc phụ trách phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N *(Vắng mặt lần thứ hai).*

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng: Ông Trần Văn H, sinh năm 1956 *(Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Cẩm T trình bày như sau:***

Chị và anh Nguyễn Văn R được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N *(Nay là thị xã N),* tỉnh Sóc Trăng. Hai vợ chồng chị tự nguyện đến với nhau gia đình bên chồng không có cho nữ trang gì hết.

Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 10/10/2000 và Nguyễn Thúy D, sinh ngày 16/01/2009, hiện nay 02 con đang sống chung với chị.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, có nợ chung như sau: Vào ngày 16/11/2011, chị có vay tiền của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N số tiền 8.000.000 đồng để cất nhà ở và ngày 16/7/2015 chị tiếp tục vay tiền của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N số tiền 12.000.000 đồng để sử dụng nước sạch, vệ sinh môi trường.

Vào ngày 10/10/2000, khi chị sinh cháu N thì cha chồng chị không cho sống chung nên vợ chồng chị về sống nhờ bên gia đình cha mẹ ruột là ông Trần Văn H, đến ngày 07/7/2017 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Lý do là vì anh R không lo làm ăn, chỉ lo nhậu về kiếm chuyện, chửi mắng vợ con, nhiều lần lấy dao hâm dọa chém chị và chửi luôn cha chị, nhiều khuyên can nhưng anh R không biết sửa đổi vẫn tính nào tật nấy; sự việc mâu thuẫn trên có cha chị là ông Trần Văn H biết, chị không yêu cầu xử lý hành vi bạo lực gia đình của anh R.

Tại đơn yêu cầu rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2017, chị T trình bày, số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N là nợ riêng của chị, chị đứng ra vay thì chị tự chịu trách nhiệm đối với Ngân hàng, nên chị xin rút lại yêu cầu chia đôi số nợ này đối với anh R, việc xin rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét, giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi 02 con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 10/10/2000 và Nguyễn Thúy D, sinh ngày 16/01/2009 và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Nợ phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N số tiền 20.000.000 đồng là nợ riêng của chị, chị xin rút lại yêu cầu chia đôi số nợ này đối với anh R.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Trần Cẩm T, cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Văn R, ghi nhận nguyện vọng của cháu N và chau D, tiếp tục giao cháu N và cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, chị T không yêu cầu nên không xem xét; ngoài ra, đình chỉ một phần đơn khởi kiện đối với phần yêu cầu chia đôi nợ chung với anh R số tiền 20.000.000 đồng vay của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N; nguyên đơn phải chịu án phí yêu cầu ly hôn, bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn R và ông Nguyễn Văn 0 vắng mặt không rõ lý do và người làm chứng ông Trần Việt H văng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vừa nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Cẩm T và anh Nguyễn Văn R được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N *(Nay là thị xã N),* tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/01/2009. Thấy rằng, hôn nhân của chị T và anh R là hoàn toàn tự nguyện, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị T trình bày anh R không lo làm ăn, chỉ lo nhậu về kiếm chuyện, chửi mắng vợ con, nhiều lần lấy dao hâm dọa chém chị và chửi luôn cha chị, nhiều khuyên can nhưng anh R không biết sửa đổi vẫn tính nào tật nấy; sự việc mâu thuẫn trên có cha chị là ông Trần Văn H biết. Đến ngày 07/7/2017 vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Còn anh R sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án cho đến nay vẫn không có lời trình bày. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị T và anh R có ông Trần Văn H là cha ruột của chị T biết và xác nhận. Lẽ ra, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau , để cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nuôi dạy các con chung nên người; nhưng ngược lại chị T và anh R đã không làm được điều đó; từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày anh chị không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không còn hoà hợp với nhau n ữa, nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau và sau khi thụ lý vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để động viên anh chị hàn gắn lại tình cảm vợ chồng , nhưng anh R không tham gia và anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh R. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh R là hoàn toàn có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ

luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 10/10/2000 và tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 16/01/2009, 02 con đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con của chị T là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, được luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận và bảo vệ, hiện nay 02 con đang sống cùng với chị T. Mặt khác, 02 con có nguyện vọng được sống cùng với chị T. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận nguyện vọng của cháu N và cháu D, tiếp tục giao 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh R không ai có quyền ngăn cản. Còn đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T không yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia đôi nợ chung đối với anh R về số tiền 20.000.000 đồng vay của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N. Xét thấy, yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện như vừa nêu là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N cũng không có yêu cầu độc lập. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần nội dung khởi kiện của chị T là yêu cầu chia đôi nợ chung đối với anh R.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Ngân hàng chính sách xã hội V không có yêu cầu độc lập đòi tiền vay đối với chị T và anh R, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Trần Cẩm T, cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Văn R; ghi nhận nguyện vọng của cháu N và chau D, tiếp tục giao cháu N và cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, chị T không yêu cầu nên không xem xét; ngoài ra, đình chỉ một phần đơn khởi kiện đối với phần yêu cầu chia đôi nợ chung với anh R số tiền 20.000.000 đồng vay của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N; nguyên đơn phải chịu án phí yêu cầu ly hôn, bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn R và Ngân hàng chính sách xã hội V không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 244 và Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Cẩm T. Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 10/10/2000 và Nguyễn Thúy D, sinh ngày 16/01/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung cho anh R, không ai có quyền ngăn cản. Còn về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ xét xử một phần nội dung khởi kiện là yêu cầu chia đôi nợ chung của chị Trần Thị Cẩm T đối với anh Nguyễn Văn R về số tiền 20.000.000 đồng vay của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã N.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Chị T không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

6. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008106 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm; như vậy, xem như chị T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Toàn